

năm trước. So với công việc trồng cây lúa, công việc trồng dâu chăn tằm vất vả hơn nhiều "Làm ruộng ăn cơm nằm, chăn tằm ăn cơm đứng", song thu nhập cũng khả quan hơn. Đáng tiếc là mấy chục năm trở lại đây, dân Quyển Sơn bỏ nghề tằm tang. Thay vào đó, họ trồng mía, trồng ngô, trồng đậu các loại. Diện tích trồng mía có thời điểm lên tới vài chục héc ta, đủ nguyên liệu dựng lò thủ công kéo mật. Những năm sáu mươi (của thế XX) thương lái các nơi đổ về buôn mật khá đông và nhộn nhịp. Một thời gian sau, mật mía ế ẩm, dân chúng lại quay sang trồng ngô, đậu, lạc theo lối xen canh, gối vụ.

Ngoài trồng cây lúa màu, người dân làng Quyển còn hành nghề thợ mộc, thợ xây. Một số người có sức khỏe hơn thì vào rừng Ba Sao chặt củi về bán, thu nhập thêm, lâu dần hình thành cái tên gọi đùa là "dân củi chược". Khoảng hơn hai chục năm nay, dân làng Quyển trồng nhiều cây ăn quả trong vườn nhà, theo hướng hàng hoá (như nhãn, vải thiều, táo Gia Lộc, ổi lai, bưởi lai...), nhưng mức thu nhập thất thường, năm đất năm rẻ, cho nên nguồn sống chính vẫn phải trông vào cây lúa, cây ngô. Đời sống hiện tại của người dân đã khá hơn trước nhiều, tuy chưa có bước nhảy vọt để được coi là kinh tế thị trường thời kỳ cải cách, mở cửa.

## **V. VỀ PHONG TỤC, TẬP QUÁN**

Là một làng quê bán sơn địa nằm trong vùng đồng bằng sông Hồng, cho nên phong tục, tập quán làng Quyển cơ bản cũng giống các làng quê khác của Kim Bảng nói riêng, của đồng bằng Bắc bộ nói chung. Chẳng hạn như dân làng Quyển cũng có tục khao vọng, tục

## KHẢO CỨU VỀ LỄ HỘI HÁT DẠM QUYỂN SƠN

---

mừng thọ, tín ngưỡng thờ Thành hoàng, thờ gia tiên, tục hút thuốc Lào, tục nhuộm răng ăn trầu... như ở nhiều làng chạ thuộc đồng bằng sông Hồng. Đối chiếu những phong tục, tập quán hiện có hoặc đã từng có ở Quyển Sơn trước đây với những dữ liệu thông tin in trong cuốn *Việt Nam văn hóa sử cương* của Đào Duy Anh, *Việt Nam phong tục* của Phan Kế Bính, *Phong tục Việt Nam* của Toan Ánh, người ta sẽ thấy rõ điều đó<sup>(14)</sup>. Dầu vậy, nếu để tâm quan sát và suy ngẫm kỹ, thì người ta sẽ thấy được một số nét tạm hiểu là riêng có của làng Quyển, mà những làng khác không có hoặc rất ít có.

Trước tiên là việc hỷ. Về việc này, các bước thủ tục dẫn đến hôn nhân của đôi nam nữ ở làng Quyển cơ bản không khác biệt nhiều so với các làng quê khác. Đó là ở đây cũng có lễ nạp thái, lễ vấn danh, lễ nạp tài, lễ nghênh hôn. Song trước đây làng Quyển có tục rước dâu đêm. Nhà trai đi đôi tuổi xem cô dâu chú rể tương lai có hợp với nhau không, xem giờ đón dâu rồi thông tin cho nhà gái biết để chuẩn bị và phối hợp thực hiện. Đến giờ tốt, ngày tốt, một vị đại diện nhà trai dẫn chàng rể cùng một số người là cô gi, chú, bác, anh, em của chàng rể đến nhà gái đón dâu. Do tiến hành đón dâu vào ban đêm (giờ Hợi, giờ Tý, giờ Sửu, tùy theo tuổi tác từng chàng rể,

---

<sup>(14)</sup> *Việt Nam văn hóa sử cương* - Đào Duy Anh - Nxb Văn hóa Thông tin Hà Nội 2002; *Việt Nam phong tục* - Phan Kế Bính - Nxb thành phố Hồ Chí Minh 1995; *Phong tục Việt Nam* - Toan Ánh - Nhà sách Khai Trí 1964; "Người Việt cao quý" - A Pazzi, Hồng Cúc dịch - Nhà sách "Cảo Thơm", Sài Gòn 1965; *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam* - Trần Ngọc Thêm - Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1997.

cô dâu cụ thể), cho nên số lượng người tham dự không đông, khách khứa ít, nghi thức giản tiện, ăn uống qua loa, gọi là có, chứ không linh đình như đám cưới ban ngày. Khoảng hơn ba chục năm trở lại đây, tục cưới và rước dâu đêm ở làng Quyển mới chấm dứt. Mãi cho đến giờ, người ta cũng chưa giải thích được vì sao dân làng Quyển lại có tục rước dâu đêm như thế. Có thể nó liên quan đến quan niệm kiêng kỵ gì chăng? Một số người cao tuổi lý giải có hiện tượng cưới đêm là do gia đình hôn chủ nghèo khó. Ý kiến ấy không đúng bởi có những nhà giàu vẫn tổ chức cưới đêm.

Sau việc hỷ, việc hiếu của dân làng Quyển thời xưa cũng có nét riêng so với việc hiếu các làng lân cận. Đó là, một gia đình nào đấy, khi có cha mẹ già qua đời thì đốt pháo lúc chuẩn bị đưa linh cữu ra khỏi nhà. Rồi khi bốc mộ, cải cát cũng có nhà đốt pháo. Không hiểu vì sao lại như thế? Chúng tôi đã gặp gỡ nhiều vị cao tuổi làng Quyển để hỏi nguyên nhân thì mỗi vị trả lời một cách, rất khác nhau. Người thì cho rằng làm thế để xua tan âm khí, sát trùng. Người thì cho rằng cha mẹ già qua đời là "cõi hạc quy tiên", đốt pháo để tỏ rõ sự vui mừng bởi cha mẹ có phúc mới được hưởng thọ dài lâu. Cách giải thích nào xem ra cũng có lý. Về phần mình, chúng tôi nghiêng về tán thành cách giải thích đầu tiên hơn.

Không chỉ ở việc hỷ, việc hiếu, người dân làng Quyển mới có tập tục riêng mà ở góc độ ẩm thực, họ cũng có nét đặc thù so với các địa phương khác. Đó là món "tái chó", phần đông dân làng đều thích thú. Gọi là "tái chó", vì người ta không nấu thịt chó chín hẳn mà chỉ dùng nhiệt độ làm

## KHẢO CỨU VỀ LỄ HỘI HÁT DẠM QUYỂN SƠN

---

cho nó chín khoảng 60%, tất nhiên có kèm gia vị như gừng, mẻ, xả, rau mơ, rau húng, óc chó hấp khi ăn. Món ăn này, kể cũng bổ dưỡng, song dễ gây rối loạn tiêu hoá, nhiễm khuẩn đường ruột, không nên duy trì lâu.

### V. TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG:

Đời sống tâm linh của người Quyển Sơn khá phong phú và phức tạp. Tại đây, ngoài tín ngưỡng thờ gia tiên (người Nam bộ gọi là đạo Ông Bà), người dân còn thờ Phật, thờ thần, thờ Mẫu, thờ Thành hoàng tại các đình, chùa, đền, miếu. Trước năm 1945, làng Quyển có hai ngôi chùa thờ Phật, thờ Mẫu, là chùa Giỏ và chùa Trung, một ngôi đình thờ Thành hoàng gọi là đình Trung, một ngôi đền thờ thần, một ngôi miếu thờ Long thần. Hầu hết đều quay quần xung quanh núi Cấm<sup>(15)</sup>

Nét nổi bật trong thế giới tâm linh người dân làng Quyển là thờ đa thần, trong đó tôn giáo và tín ngưỡng đan xen vào nhau đến mức khó phân biệt rạch ròi. Chùa Giỏ thờ ông Phật Giỏ, thờ Tam bảo, nhưng rất có thể tiền thân của vị Phật Giỏ là một vị thần nguồn gốc bản địa. Tên gọi của ông đã gọi liên tưởng đến điều đó. Ngoài ra, chùa Giỏ còn phối thờ Tứ Phủ ở cạnh gian Bái đường, gọi là "tiền thần hậu Phật". Chùa Trung thờ Phật song cũng thờ Tứ Pháp (như các chùa Bà Đanh, chùa Bà Bển, Chùa Đặng

---

<sup>(15)</sup> Chùa Giỏ, tên chữ "Thị Sơn tự" ở đầu làng Quyển; chùa Trung, thờ Tứ Pháp ở giữa làng Quyển, nay không còn. Nghệ nhân - Bà Trùm Hát Dạm Nguyễn Thị Bô, khi còn sống, cho biết chùa này thờ Pháp Vân. Đáng tiếc là nó đã bị giặc Pháp thiêu huỷ, nên không có chứng cứ kiểm nghiệm. Tuy nhiên, nếu đặt chùa Trung làng Quyển vào hệ thống các chùa thờ Tứ Pháp nằm dọc theo ven đê tả hữu sông Đáy thì có cơ sở để tin lời nghệ nhân là đúng.

Xá, chùa Vân Châu gần đó), kiểu "tiền thân hậu Phật". Đền Trúc thờ nhân vật lịch sử nhưng cũng phối thờ hai vị nữ thần của địa phương, có nguồn gốc tự nhiên. Miếu thờ Long Thân - vị thần có chức năng trông nom huyết Đế Vương trên đỉnh núi Cấm. Đình Trung thờ Thành hoàng, song vào dịp lễ hội, người ta cũng rước bài vị Phật, Mẫu, thần ở chùa và đền về hội tế. Đến nay, tính chất đan xen ấy vẫn còn gần như nguyên vẹn, không thay đổi bao nhiêu.

## VI. TÍNH CÁCH NGƯỜI DÂN

Do môi trường - cảnh quan định, mà từ lâu, các thế hệ người dân làng Quyển nhìn chung đều cần cù, siêng năng trong việc nông tang. Một số không nhỏ trong đó còn là những người có đức tính nhẫn nại, trọng tín nghĩa, có khiếu văn nghệ, ca hát, hò vè. Nam nữ thanh niên có người giỏi quyền cước, võ nghệ, có bản lĩnh. Tính cách ấy đã được ca dao, phương ngôn Hà Nam ghi lại:

"Voi nan lưng lững đứng ngòi  
 Thế mà tiếng nói lời mời dễ nghe  
 Múa gậy dựng đứng cây tre  
 Vung gươm chặt đứt cả bè gõ lim..."<sup>(16)</sup>

Nếu câu ca dao trên phản ánh khả năng võ nghệ của nam nữ thanh niên làng Quyển thì câu ca dao sau đây phản chiếu phẩm chất cơ cấu của phụ nữ vùng quê đó:

"Nhất đẹp con gái Bù Nâu  
 Cứng cổ Đanh Xá, cơ cấu Quyển Sơn"<sup>(17)</sup>

<sup>(16)</sup> Trích *Văn nghệ dân gian Hà Nam* - sách đã dẫn. "Bù Nâu": tên gọi cũ của làng Mã Nào, xã Ngọc Sơn, huyện Kim Bảng. Tương truyền con gái làng này đẹp, có duyên.

## KHẢO CỨU VỀ LỄ HỘI HÁT DẬM QUYỂN SƠN

---

"Cơ cầu" ở đây có nghĩa là tiết kiệm, tháo vát, biết dùng đồng tiền bát gạo vào những việc cần thiết, có ích, không hoang phí "bóc ngăn cản dài", cũng không phải là tàn tiện "vắt cổ chày ra nước". Tính cách "cơ cầu" của phụ nữ Quyển sơn thời xưa nói chung là phù hợp với mảnh đất bán sơn địa "chưa nắng đã hạn, chưa mưa đã úng". Thật ra, phụ nữ Quyển Sơn đâu chỉ có giỏi võ nghệ và cơ cầu như ca dao đã ghi nhận, họ còn rất duyên dáng trong các làn điệu Dậm khi làng vào hội nữa.

Trong suốt diễn trình lịch sử dựng nước và giữ nước lâu dài của dân tộc, người dân Quyển sơn có những đóng góp đáng kể. Truyền thuyết về núi Cấm và Hát Dậm Quyển Sơn cho biết, giữa và cuối thế kỷ XI, nhiều thanh niên nơi này đã tham gia quân đội nhà Lý do Lý Thường Kiệt chỉ huy, đi bình Tống phạt Chiêm, bảo vệ nền độc lập của đất nước. Nhất là trong cuộc kháng chiến chống pháp, chống Mỹ vừa qua, hàng trăm nam nữ thanh niên làng Quyển đã gia nhập quân đội, thanh niên xung phong, trực tiếp chiến đấu với quân thù trên các mặt trận A; B; C với tinh thần xả thân cho độc lập, tự do của Tổ quốc. Nhiều người đã hy sinh khi tuổi còn xanh. Có người được Nhà nước công nhận là anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Cá biệt cũng có người trở thành cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước. Thực tế ấy đã chứng minh tinh thần yêu nước của người Quyển Sơn trong diễn trình lịch sử.

Yêu quê hương, đất nước, người dân Quyển Sơn còn là những người ham học, ham hiểu biết. Theo thống kê chưa đầy đủ của chúng tôi, làng Quyển Sơn hiện tại có

tới hàng trăm con em có trình độ cao đẳng, đại học, trên đại học, đang đảm nhiệm những cương vị công tác khác nhau thuộc nhiều ngành của đất nước. Vùng quê Hát Dặm cũng có nhiều thợ khéo tay như thợ xây, thợ mộc, thợ đục chạm gỗ. Trước đây, ở huyện Kim Bảng, đã nói đến thợ xây là phải nghĩ ngay đến thợ Quyển và thợ Hôi. Thợ xây làng Quyển xây đá, xây gạch đều giỏi. Qua bàn tay khéo léo của họ, những hòn đá lồi lõm, xù xì đã trở thành những bức tường thẳng tắp, phẳng phiu. Gần đây, làng Quyển còn xuất hiện thêm một số thợ chạm khắc gỗ, tuổi đời rất trẻ, mà tay nghề đã khá tinh xảo, đạt trình độ nghệ nhân. Hàng loạt sản phẩm đồ gỗ do họ chế tác như sập gụ, tủ chè, giường công chúa, tượng Phật, tượng Bồ tát, tượng ông Vọng, chim đại bàng... đã được thị trường chấp nhận. Họ đang từng bước làm giàu cho mình và quê hương.

Tổng quan, người dân Quyển Sơn là những người ít nhiều có tính cách riêng, khác với người dân các làng xung quanh. Họ cần cù, nhẫn nại, thượng võ, cơ cầu, khéo tay, có trí sáng tạo, rất yêu mến văn nghệ dân gian. Tính cách và phẩm chất đó, kết hợp với cảnh quan hữu tình, đã hội đủ điều kiện để hình thành một vùng quê "văn vật" của trấn Sơn Nam xưa, tỉnh Hà Nam hiện giờ.

## **VII. MẤY NÉT LỊCH SỬ - VĂN HÓA LÀNG QUYỂN TRONG BỐI CẢNH LỊCH SỬ - VĂN HÓA HUYỆN KIM BẢNG**

Vì nằm trên trục đường giao thông thuỷ lợi bộ thuận tiện, đặc biệt vì nằm ở vùng bán sơn địa, tiếp giáp giữa đồng bằng sông Hồng với vùng rừng núi trùng điệp Hoà Bình, cho nên đã hàng ngàn năm trôi qua, Quyển Sơn là

## KHẢO CỨU VỀ LỄ HỘI HÁT DẬM QUYỂN SƠN

---

nơi chứng kiến nhiều biến thiên lịch sử, đồng thời cũng là địa bàn nảy sinh, nuôi dưỡng, bảo lưu, trao đổi, tiếp thu nhiều lớp văn hóa giữa các vùng, miền trong phạm vi cả nước.

1. Truyền thuyết lịch sử - địa danh của người già làng Lạt Sơn, làng Quyển Sơn cho biết, vào những năm đầu Công Nguyên, nữ tướng Lê Chân - thủ túc thân tín của Hai Bà Trưng, từng được Vua Bà phong chức Chương quân binh quyền (tương đương với chức Thái úy của các vương triều Lý, Trần, Lê sơ sau này), thống lĩnh toàn bộ quân đội kiêm trấn thủ vùng hải tần Đông Bắc (gồm tỉnh Quảng Ninh, Hải Dương, Hải Phòng bây giờ), đã có những đóng góp to lớn vào việc xây dựng, củng cố chính quyền non trẻ của hai Bà Trưng trong buổi đầu dựng nước. Lê Chân quê gốc ở trại An Biên, huyện Đông Triều, phủ Kinh Môn, xứ Hải Đông, nay là quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Khi tham gia cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng, Bà đã lập nhiều công trạng lớn. Đến khi Hai Bà Trưng thất trận, phải tuấn tiết trên dòng sông Hát, nữ tướng Lê Chân không cam chịu, đã đem quân bản bộ chạy theo đường rừng Hoà Bình<sup>(18)</sup>, qua Chi Nê<sup>(19)</sup> vào rừng Lạt Sơn, lập căn cứ kháng chiến lâu dài, chống quân Đông Hán do Mã Viện cầm đầu. Để tăng cường lực lượng, nữ tướng Lê Chân đã cho dựng nhiều doanh trại, kho tàng, bổ sung quân và lương thực. Người già Lạt Sơn, Thanh Nộn, Quyển Sơn, Bút Trại, Do Lễ -

---

<sup>(18)</sup> Hoà Bình khi ấy có thể nằm trong châu Vũ Bình?

<sup>(19)</sup> Chi Nê: địa danh thuộc tỉnh Hoà Bình hiện tại, châu Vũ Bình, rồi châu Đà - Giang xưa.



những làng xã nằm ven dãy Chín mươi chín ngọn, mãi đến hiện nay, vẫn tin rằng trong quân Lê Chân khi đó, có con em làng mình tham dự. Cuộc chiến đấu giữa nghĩa quân Lê Chân với quân Hán diễn ra trong nhiều ngày, rất khốc liệt. Phải nhiều phen lao đao, chịu nhiều tổn thất về lực lượng, Mã Viện mới tạm dẹp yên được. Gần hai nghìn năm trôi qua, nhưng người dân các làng quê bán sơn địa Lạt Sơn, Quyển Sơn, Bút Trại, Do Lễ vẫn còn hồi tưởng sâu đậm về sự kiện lịch sử xa xôi kia với niềm ngưỡng mộ, tự hào.

2. Một truyền thuyết khác - đúng hơn là một trù truyền thuyết khác, do một số bậc cao niên các làng quê huyện Kim Bảng, cố nhiên có người già làng Quyển, kể rằng, thời kỳ đầu Công Nguyên, một số làng chạ chiêm trũng nằm dọc theo đôi bờ sông Đáy, ven dãy Chín mươi chín ngọn mà tiêu biểu là Do Lễ, Đanh Xá, Vân Lâm, Đặng Xá, Vân Châu, Bàu Thôn, Quyển Sơn do thường xuyên bị lũ lụt, hạn hán đe dọa gây mất mùa, đã lần lượt cử người lên tận xứ Bắc (nay là huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh) rước chân nhang Tứ Pháp (tức là bốn vị nữ thần Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện - con gái của Man Nương với Khâu Đà La) về thờ phụng tại các chùa (ban đầu có thể là đền, tháp) ở quê mình với mục đích cầu mưa thuận gió hoà, mùa màng bội thu, nhân khang vật thịnh. Tín ngưỡng thờ Tứ Pháp bắt đầu hình thành ở Kim Bảng, Hà Nam như thế và cho đến nay vẫn còn rất sùng thịnh. Riêng tại làng Quyển, có hai ngôi chùa, thì chùa Trung có nhiều khả năng thờ Tứ Pháp, cụ thể là thờ Pháp Vân, giống như chùa Bà Bến, chùa Đặng Xá, chùa Vân Châu. Tại những ngôi chùa

thuộc các địa phương nêu trên, suốt gần hai nghìn năm qua đã diễn ra quá trình chuyển hoá, thâm nhập lẫn nhau giữa tín ngưỡng bản địa với Phật giáo để hình thành dòng Phật giáo dân gian Việt Nam. Quá trình chuyển hoá, thâm nhập ấy diễn biến rất tự nhiên, bởi Tứ Pháp chính là các hiện tượng mây, mưa, sấm, chớp được "linh hoá" theo tư duy nguyên hợp của người nông dân, gắn liền với nông nghiệp lúa nước. Mà đối với nông nghiệp lúa nước thì "nước" là yếu tố hàng đầu cho cả quy trình sản xuất, đã được người xưa tổng kết dưới dạng câu tục ngữ "Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống".

3. Ngoài chùa Giở thờ Phật Giở, chùa Trung tương truyền thờ Tứ Pháp, làng Quyển còn có đình Trung và Đền Trúc thờ Lý Thường Kiệt cùng hai mẹ con vị nữ thần từng "âm phù" giúp ngài và quân đội nhà Lý chiến thắng quân Chiêm Thành khi chúng cướp phá châu Hoan, châu Ái ở thế kỷ XI. Bởi có công giữ nước, hai mẹ con vị nữ thần đã được người dân địa phương phối thờ cùng Lý Thường Kiệt khi ngài trăm tuổi. Thế là, từ địa vị những nữ thần bảo hộ làng xóm, có nguồn gốc tự nhiên, hai vị đã được dân gian "lịch sử hoá", "truyền thuyết hoá" thành "Hoàng Thái Hậu", "Hoàng Công Chúa", thành "Mẫu" qua trí tưởng tượng hồn nhiên, lãng mạn, của người xưa. Không riêng làng Quyển, mà nhiều làng lân cận với Quyển Sơn cũng có tục thờ nữ thần. Ví dụ, làng Do Lễ thờ "Quốc Mẫu Vua Bà"; làng Phù Thủy thờ "Thái hậu tối linh"; làng Lạt sơn thờ nữ tướng Lê Chân; làng Thanh Nộn thờ "Hoàng Tràng Công Chúa"; làng Phú Viên thờ "Quế Hoa Công Chúa"; làng Đan Xá

thờ Bà Đanh vv... Có thể nói, Quyển Sơn nói riêng, Kim Bảng nói chung, là địa bàn chịu ảnh hưởng lớn của tín ngưỡng thờ nữ thần, thờ "Mẫu" và điều đó đã để lại dấu ấn trong lễ hội Hát Dặm Quyển Sơn. Niềm tin vào quyền năng của các nữ thần, các "Mẫu", dù đây là lực lượng tự nhiên được "nhân hoá", "linh hoá" hay nhân thần được "lich sử hoá", đã chi phối mạnh đến thái độ ứng xử văn hóa theo hướng dung hoà của người nông dân với môi trường tự nhiên "Ôn trời mưa nắng phải thì..."; "Lạy trời mưa xuống; Lấy nước tôi uống; Lấy ruộng tôi cấy"...

4. Một truyền thuyết khác của người cao tuổi làng Quyển, làng Do Lễ cho biết, vào khoảng thế kỷ thứ VII, nước Nam ta nằm dưới ách thống trị của quân xâm lược nhà Đường bên Trung Quốc. Cao Biền, với tư cách là Thái thú quận Giao chỉ - một quận trong châu Giao, kiêm nghề phù thuỷ, nghề địa lý đã nhân lúc việc quan rảnh rỗi mà cuỡi diều hâu bay đi thăm thú khắp các làng xóm thuộc đất Âu Lạc cũ, lần dò, tìm các huyệt quý để trấn trịệt đi. Công việc ấy, Cao Biền có những thành công, nhưng cũng chịu nhiều thất bại cay đắng. Chuyện rằng, một hôm nọ, Cao Biền cuỡi diều hâu bay tới địa phận vùng Cổ Bảng. Từ trên cao, nhìn xuống, Biền thấy có nhiều huyệt quý, đó là huyệt Đế Vương trên núi Cấm, huyệt Đế Vương ở đằm Tam Trúc, huyệt Rồng ở Do Lễ<sup>(20)</sup>. Vốn bản tính gian ác, lại sợ nước Nam sinh nhân tài, ảnh hưởng xấu đến địa vị đương nhiệm của mình,

<sup>(20)</sup> Đằm Tam Trúc: địa danh thuộc xã Ba Sao, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

Cao Biền cho điều hâu hạ cánh, lấy la bàn dò tìm phương vị, dặn mạch, đặt bùa độc vào các huyệt kia yếm trị. Nhưng viên quan đồ hộ kiêm phù thủy này chỉ thành công khi yếm huyệt Rồng thôi, còn hai huyệt Đế Vương, hấn đành chịu bó tay. Các thần thủ huyệt Đế Vương, bản lĩnh, pháp thuật cao cường, đã vô hiệu hoá bùa độc của Cao Biền, khiến hấn suýt bỏ mạng. Mãi đến giờ, sau hơn một ngàn năm, khi kể cho con cháu nghe những truyền thuyết trên, người già các làng quê bán sơn địa Kim Bảng vẫn tỏ rõ niềm tự hào về địa linh nhân kiệt của quê hương mình.

5. Dầu vậy, những truyền thuyết và huyền tích in đậm nhất trong tâm thức người dân làng Quyển vẫn là các truyền thuyết và huyền tích liên quan đến văn hóa cổ truyền của quê hương họ, như *Sự tích tên gọi núi Cấm*, *Sự tích tên gọi Thi Sơn*, *Sự tích Đền Trúc* và *Hát Dạm Quyển Sơn*, *Sự tích tên gọi chùa Giỏ*, *Sự tích Hang Trâu*. Những truyền thuyết và huyền tích đó ít nhiều đều có cốt lõi hiện thực - lịch sử, song đã được cường điệu hoá, phóng đại hoá, được khúc xạ qua tư duy tưởng tượng quá ư huyền ảo, của các nghệ nhân dân gian nhiều thế hệ<sup>(21)</sup>.

Truyện có nhiều sự kiện, chi tiết, mô típ thử thách. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng, cốt truyện chỉ xoay quanh mấy tình tiết chính. Đó là, vào thế kỷ XI, dân chúng trại Canh Dịch (tên ban đầu của làng Quyển)

---

<sup>(21)</sup> Xin tham khảo chùm truyền thuyết về núi Cấm và Hát Dạm Quyển Sơn trong công trình *Truyện dân gian Kim Bảng* (tập I) của chúng tôi (LHB) do Nxb văn hóa dân tộc ấn hành năm 2003. Cả công trình có 76 truyện thì nguyên về sự tích núi Cấm và Hát Dạm Quyển Sơn đã có tới trên 20 truyện.

được chứng kiến một số cuộc hành quân đường thủy do Lý Thường Kiệt chỉ huy đi đánh dẹp quân Chiêm Thành (phía Nam), quân Tống (phía Bắc); cuối mỗi truyện, tác giả dân gian đều giải thích tên gọi địa danh, nguyên nhân nảy sinh Hát Dặm. Tìm hiểu hàng loạt truyền thuyết và huyền tích lưu truyền lâu đời ở làng Quyển, người ta có thể hình dung được mối quan hệ nhân quả giữa Lý Thường Kiệt với văn hóa dân gian làng quê ấy và ngược lại, cùng những ánh xạ lịch sử một thời đại đã lùi sâu vào quá khứ, nhưng không già cũ mà luôn được người đời sau khơi gợi, soi rọi lại trên cơ sở yêu cầu tâm linh của thời hiện tại.

6. Thế kỷ XVIII, thế kỷ nông dân khởi nghĩa trong lịch sử Trung đại Việt Nam, thế kỷ của nhiều biến động long trời lở đất, cũng được khúc xạ qua lăng kính văn nghệ dân gian làng Quyển và một số làng xã khác của huyện Kim Bảng. Người già những làng xã bán sơn địa nơi đây còn lưu giữ trong ký ức áng truyền thuyết lịch sử - địa danh về ba nhân vật Kỳ Đồng, Chiêu Lân, Ba Vành với hành trạng cùng cái chết rất bi tráng của họ cách đây hơn hai trăm năm.

Chuyện kể rằng, chế độ phong kiến Việt Nam, sau mấy thế kỷ hưng thịnh, bắt đầu đi vào con đường suy vong. Đất nước vừa có vua, lại vừa chúa, mà chúa mới là người có thực quyền, còn vua chỉ là thứ bù nhìn. Cơ chế tổ chức đặc thù đó là cơ chế vua Lê Chúa Trịnh, một thứ triều đại chưa hề có tiền lệ trong lịch sử Việt Nam trước thế kỷ XVI. Kỷ cương, giềng mối phong kiến rệu rã đến cực điểm. Người dân đã khổ vì sưu cao, thuế nặng, lại

## KHẢO CỨU VỀ LỄ HỘI HÁT DẠM QUYỂN SƠN

---

thêm điêu đứng vì chiến tranh thôn tính giữa các tập đoàn phong kiến xảy ra liên miên. Làng xóm tiêu điều, đồng ruộng hoang hoá, lòng người ly tán. Nỗi oán hận của dân chúng với vua Lê chúa Trịnh bốc cao ngút trời.

Không cam chịu sống mãi cuộc đời nô lệ, hàng vạn nông dân xứ Hải Đông đã nhất tề nổi dậy khởi nghĩa dưới sự lãnh đạo của Quận He Nguyễn Hữu Cầu. Quy mô cuộc khởi nghĩa càng ngày càng lớn, đặt cơ đồ vua Lê chúa Trịnh trước nguy cơ sụp đổ. Chúa Trịnh lo sợ, huy động hàng chục vạn quân do nhiều tướng lĩnh thiện chiến, chỉ huy, đánh dẹp nhiều tháng trời mới tạm bình định được. Thủ lĩnh Nguyễn Hữu Cầu bị bắt, bị hành hình, nhưng các tướng tâm phúc của ông là Chiêu Lân, Kỳ Đông, Ba Vành không chấp nhận thất bại, bèn dẫn quân bản bộ phá vòng vây vây đặc của quân Lê - Trịnh, chạy theo đường thủy về vùng Quế - Quyển, chiêu mộ thêm quân, rồi rút vào cố thủ ở thung Trúng, một thung của dãy Chín mươi chín ngọn, thuộc làng Bút Sơn, nay là một trong bốn làng của xã Thanh Sơn. Thung Trúng, hồ Trúng - nơi đóng quân của nghĩa binh Chiêu Lân, Kỳ Đông, Ba Vành, quan sát trên thực địa, là vị trí chỉ có lợi cho "thủ", không có lợi cho "công", nếu bị bao vây thì không thể trụ được lâu dài. Biết các tướng Chiêu Lân, Kỳ Đông, Ba Vành là những người đa mưu, túc trí, để lâu dễ sinh hoạ lớn, chúa Trịnh sai Phạm Đình Trọng đem hàng vạn quân thủy bộ kéo về Kim Bảng hợp vây. Phạm Đình Trọng xuất thân nho sĩ, tính cách thâm trầm, nhiều tham vọng. Ý vào thế quân đông, trang bị hiện đại, Phạm Đình Trọng cho quân bao vây chặt căn cứ

nghĩa quân, ngăn chặn tất cả các đường tiếp viện lương thực vào thung Trúng. Lực lượng nghĩa quân hao tổn dần. Ba vị thủ lĩnh hô quân đồng loạt tấn công kẻ thù, mở đường máu thoát vây, chạy vào cố thủ trong Hang Luồn - Động Thủy gần đó. Nhận thấy nghĩa quân đã rơi vào thế tuyệt địa, Phạm Đình Trọng không xua quân đánh vào hang, mà lập thành hai đồn, gồm đồn Tiền chặn trước cửa hang, đồn Hậu chặn sau cửa hang, tựa như hai gọng kìm kẹp chặt lại. Nghĩa quân Chiêu Lân, Kỳ Đông, Ba Vành tam tứ bận đánh phá vòng vây mà không được, cuối cùng đành chịu chết cả trong hang. Những năm gần đây, khi vào mò bắt cua cá trong Hang Luồn, người dân Bút Trại, Quyển Sơn, Do Lễ đã vớt được nhiều mảnh xương người và vô số gương, giáo cũ. Người ta tin rằng đó là hài cốt, vũ khí của nghĩa quân Chiêu Lân, Kỳ Đông, Ba Vành ở thế kỷ XVIII.

7. Kim Bảng, Hà Nam có tới hàng trăm làng xã, nhưng ít có làng xã nào đẹp, hữu tình như làng Quyển Sơn. Cảnh quan nơi đây có nhiều, song đáng lưu ý nhất phải kể đến núi Cấm, Đền Trúc, sông Đáy, chùa Giỏ, chùa Trung, đình Trung. Đây là những không gian đã được người xưa "thiên hoá", "linh hoá", "lịch sử hoá" qua hàng chục truyền thuyết, huyền tích, huyền thoại, qua lễ hội Hát Dặm. Phần lớn số truyền thuyết, huyền tích, huyền thoại nêu trên đã được chúng tôi sưu tầm, biên soạn trong cuốn *Truyện dân gian Kim Bảng* (tập I), công trình tài trợ sáng tạo văn nghệ dân gian của Chính phủ năm 2001, sau được Quỹ Thụy Điển - Việt Nam phát triển văn hóa cấp kinh phí in ấn tại Nhà xuất bản

## KHẢO CỨU VỀ LỄ HỘI HÁT DẬM QUYỂN SƠN

---

văn hóa Dân tộc năm 2003. Ngày nay, nhờ được nghe lớp người già kể lại những truyền thuyết, huyền tích, huyền thoại xưa mà tuổi trẻ làng Quyển hiểu được bề dày văn hóa cổ truyền quê hương mình. Có thể khẳng định, chùm truyền thuyết về núi Cấm, về Đền Trúc và Hát Dậm, về chùa Gió đã cùng với chùm truyền thuyết về nữ tướng Lê Chân ở Lạt Sơn; chùm truyền thuyết về Tứ Pháp ở Đanh Xá, Vân Lâm, Đặng Xá, Vân Châu; chùm truyền thuyết về Bát Cảnh Sơn ở Tượng Lĩnh; chùm truyền thuyết về Lục Nhạc - Thất Tinh ở Ba Sao; chùm truyền thuyết về bà Nguyệt Nga, về bà Thụy Nương... đã hợp thành vùng truyền thuyết đồ sộ không thua kém so với vùng truyền thuyết về Hùng Vương ở Phú Thọ, vùng truyền thuyết về Tản Viên Sơn Thánh ở xung quanh chân núi Ba Vì, vùng truyền thuyết Lam Sơn ở Thanh Hoá.

8. Là một làng cổ, có bề dày văn hóa dân gian, sơn thủy hữu tình, cho nên từ lâu Quyển Sơn đã trở thành địa danh có sức lôi cuốn mạnh với du khách thập phương. Từ cuối thế kỷ XIX trở ngược, không ít nhà văn, nhà thơ, tao nhân mặc khách đã từng đến viếng thăm nơi đây, để lại vùng quê này những dấu ấn và thi phẩm khá hay.

Sách *Lịch triều hiến chương loại chí*, trang 78, tập I do Phan Huy Chú biên khảo cho biết, vào thế kỷ XVIII, Tĩnh Đô Vương Trịnh Sâm, trong một chuyến đi kinh lý trấn Sơn - Nam bằng đường thủy, đã từ sông Châu rẽ sang sông Đáy, rồi ngược dòng tới thăm vùng Quế - Quyển, núi Cấm, rừng Trúc.<sup>(22)</sup> Tới đoạn sông cuối làng

---

<sup>(22)</sup> Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội 1960



Đanh Xá, chúa Trịnh tựa mình trên vọng lâu thuyền rồng, nhìn chếch sang phía Tây Nam, thấy núi Cẩm tựa như con phượng đang xoè cánh, xanh ngắt một màu, có mây ngũ sắc che phủ hình như cái tán, cái lọng trên đỉnh, thực ảo xen lẫn, khác nào cảnh Đào Nguyên. Rồi chúa Trịnh lại được nghe tả hữu kể về nguồn gốc tục Hát Dặm, về sự tích người xưa vì hám châu ngọc<sup>(23)</sup>, đã lặn xuống sông mò tìm rồi mất tích không về, đã xúc động phóng bút viết một bài thơ chữ Hán, nhan đề *Vịnh Quyển Sơn*, thể Thất ngôn bát cú Đường luật. Bài thơ đã được sách *Hoàng Việt địa dư chí* dịch nghĩa như sau:

"Từ nơi xa xôi một cánh bướm dạo ngắm non sông  
Cẩm thuyền ở núi Quyển bên bờ phía Nam  
Xa trông núi hình cánh phượng mây chắn lững lờ  
Gần nhìn dòng sông nơi thường lưỡng ở  
Có bóng trăng chiếu trên mặt nước trong luỹ tre  
xanh ôm thôn xóm

Đường lên đỉnh núi, ráng tia rọi như dải lụa  
Khi nhàn bàn chuyện người mò ngọc thuở xưa  
Muốn lấy nước sông xanh rửa sạch lòng tham đi"

Gần đây, nhà nghiên cứu Hán Nôm Dương Văn Vượng thuộc Bảo tàng Nam Định dịch thơ như sau:

"Sông dài vượt sóng cánh bướm reo  
Núi Quyển phương Nam nhẹ lướt chèo  
Vách đá chen mây xoè cánh phượng  
Rồng nằm uốn khúc ngậm trăng treo  
Xóm nghèo mái lá tre xanh toả

<sup>(23)</sup> Châu ngọc: ngọc trai

Dốc núi tiêu lên dáng dôi theo  
Ngẫm chuyện tìm châu người mất tích  
Lòng tham gọi rửa gắng quên nghèo"

Không chỉ núi Cẩm mà rừng trúc, Đền Trúc dưới chân núi Cẩm cũng trở thành nguồn đề tài lớn cho các thi nhân cảm xúc, sáng tạo, ngâm vịnh. Tương truyền, những năm cuối thế kỷ XVIII, Lý Trần Thản, quê xã Lê Xá, huyện Duy Tiên, phủ Lý Nhân, trấn Sơn Nam, khi bốn mươi chín tuổi đi thi, đậu Tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân, năm Kỷ Sửu 1769, làm quan tới chức Đông các Đại học sĩ, trong một lần thăm thú huyện Kim Bảng, có ghé thuyền viếng cảnh Đền Trúc và dâng hương tưởng niệm Lý Thường Kiệt. Tại đây, được chứng kiến phong cảnh núi sông kỳ tú, mỹ lệ, lại được người thủ từ kể cho nghe những truyền thuyết, những huyền thoại về vị Thái úy tài ba dưới triều Lý, về những cuộc hành quân đường thủy do Kỳ Thường Kiệt chỉ huy, được hai mẹ con vị nữ thần "âm phù" chiến thắng quân Chiêm năm xưa, Lý Trần Thản đã cảm tác viết một bài thơ chữ Hán nhan đề *Lý Thường Kiệt*, thể Thất ngôn bát cú Đường luật. Bài thơ đã được ông Dương Văn Vượng - cán bộ Bảo tàng Nam Định dịch thơ như sau:

"Sống là tướng giỏi, thác là thân  
Khắc đá còn nêu nét chữ chân  
Đánh Tống dẹp Chiêm công với nước  
Giúp nghèo khẩn đất đức trong dân  
Trẻ già thuở ấy mừng khôn xiết  
Núi trúc năm xưa vọng tiếng ngâm  
Như cũ mỗi khi ngày lễ tết  
Cùng nhau cầu cúng về hân hoan"

Lại có giai thoại kể rằng, thời gian cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX, Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác, đang hành nghề y ở chốn lâm tuyền tỉnh Hà Tĩnh, bỗng được lệnh về kinh đô Thăng Long chữa bệnh cho thế tử Trịnh Cán - con trai thứ Trịnh Sâm. Công việc điều trị kéo dài nhiều tháng. Lúc rảnh rỗi, ông đã cùng những người giúp việc đi du ngoạn trấn Sơn Nam bằng đường thủy, từ sông Châu sang sông Đáy, ngược dòng tới thăm núi Cấm - Đền Trúc, dâng hương tưởng nhớ anh lính Lý Thường Kiệt. Chứng kiến tận mắt cảnh Đền Trúc có phần tiêu điều bởi không được người đời chăm sóc, tôn tạo, danh y - thi sĩ Lê Hữu Trác đã xúc động ngâm vịnh một bài thơ chữ Hán, thể Thất ngôn bát cú Đường luật nhan đề *Vịnh đền Quyển Sơn*. Bài thơ được lưu truyền trong dân gian, gần đây được ông Mai Khánh - Giám đốc Bảo tàng Hà Nam sưu tầm và cho công bố trên tập san "Văn hoá Thông tin" Hà Nam số 6, như sau:

"Dựng ấp triều xưa ở chốn này  
 Đền hoang cây phủ lạnh lòng thay  
 Trung vua yêu nước bia còn khắc  
 Nhớ đức ghi công khách chẳng hay  
 Nhóm lửa thuyền sông trời ngả bóng  
 Tìm về chim lượn núi trong cây  
 Thuế sai phiền nhiễu còn binh lửa  
 Tướng gấm ai người để mắt đây"

Sau nhà thơ Lý Trần Thản và sau danh y - nhà thơ Lê Hữu Trác, đầu thế kỷ XIX, ông Ngô Thế Vinh - Tiến sĩ xuất thân năm thứ 10 đời vua Minh Mệnh 1829, khi du ngoạn bằng thuyền trên sông Đáy, đã lên thăm núi

Cấm - Đền Trúc. Ngắm cảnh sông núi giao hoà, non xanh nước biếc, rồi lại nhìn ngôi đền thờ người anh hùng một thửa, nay tiêu điều đột nát, lạnh lẽo, nhà thơ cảm tác viết một bài thơ chữ Nôm, thể Tứ tuyệt Đường luật, lời kiệm mà ý tứ hàm súc, sâu sa, thâm trầm, đậm chất hoài cổ. Bài thơ lưu truyền một thời gian dài trong dân dã, gần đây được cụ Lại Tiến Đạt người làng Quyển ghi lại bằng chữ quốc ngữ, khá cô đọng, nhuần nhị:

*Đi thuyền trên sông Đáy*

"Non xanh nước biếc thú bao nhiêu  
Trong trúc đền hoang dấu Lý triều  
Ngày ấy anh hùng nay đến thế  
Nơi thờ nghiêng đổ lạnh lòng sao"

Hàng loạt giai thoại và thơ ca nêu trên đã góp phần khắc họa bề dày cảnh quan - lịch sử - văn hóa truyền thống làng Quyển Sơn. Bề dày cảnh quan - lịch sử - văn hóa ấy càng tỏ tường hơn với bài ca trù nhan đề *Phong cảnh Quyển Sơn* do một vị chức sắc của làng đặt lời những năm cuối thế kỷ XIX:

"... Kìa Vườn Trúc, nọ nơi Cống Lý<sup>(24)</sup>  
Ngắm mà xem địa thế cũng vui thay  
Khen ai khéo léo đặt bày  
Trên thi thảo tượng hình thiên địa  
Dưới sơn quy ẩn vẻ đồ thư  
Núi đôi bên hổ báo quần cư<sup>(25)</sup>

---

<sup>(24)</sup> Vườn Trúc - Cống Lý: hai địa danh thuộc làng Quyển Sơn

<sup>(25)</sup> Hổ báo quần cư: chỉ thế núi Ổ gà, núi Bản Đá, núi Ba Hòn toạ lạc cạnh núi Cấm tạo thành quần thể "hổ báo quần cư" dưới cái nhìn phong thủy.

Sông lưu thủy quân thần hội hợp<sup>(26)</sup>  
 Minh định đường trông về Ba Dục<sup>(27)</sup>  
 Địa thế xem như tạc trong ngai  
 Ấn địa đồ phong cảnh cũng vui  
 Khen con tạo khéo là sắp đặt..."

9. Khảo sát chân dung văn hóa làng Quyển, chúng tôi thấy không thể không lưu ý đến một sự kiện lịch sử xảy ra tại đây trên nửa thế kỷ qua. Số là, vào năm 1950, ở làng Quyển đã diễn ra một biến cố lịch sử lớn, có ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống văn hóa tinh thần dân chúng sở tại<sup>(28)</sup>. Khoảng thời điểm từ năm 1948 đến năm 1950, để chống lại phong trào cách mạng và đấu tranh vũ trang đang lên cao của nhân dân Kim Bảng, thực dân Pháp cho quân lê dương càn quét, lập tế ở nhiều làng xã phía đê tả sông Đáy. Chúng xây dựng hàng loạt đồn bốt chạy dọc theo đê tả Đáy và theo quốc lộ 22 nhằm kìm kẹp dân chúng, như bốt Vân Châu, bốt Quế, bốt Thụy Xuyên, bốt Tương Lĩnh, bốt chợ Dầu. Hệ thống đồn bốt

<sup>(26)</sup> Sông Đáy chảy ngay dưới chân núi Cấm, lại có núi Hôi từ hướng Bắc châu về, núi Rùa từ hướng Tây hợp chiếu, theo quan niệm Âm Dương - Ngũ hành và phong thủy thì đây là hình thế "Quân thần khánh hội", để hết phát sự nghiệp Đế Vương.

<sup>(27)</sup> Ba Dục: chưa rõ địa danh này ở đâu thuộc tỉnh Hà Nam.

<sup>(28)</sup> Nhiều người cao tuổi làng Quyển kể, năm 1950, giặc Pháp cho quân càn quét, thiêu đốt đình và chùa Trung của họ. Còn theo tài liệu *Lịch sử Đảng bộ và nhân dân huyện Kim Bảng* xuất bản tháng 1 năm 1996, thì tháng 12 âm lịch năm 1948, giặc Pháp cho hàng nghìn lính lê dương từ Kiện Khê hành quân đi tắt qua làng Lạt Sơn, làng Bút Sơn bắt ngờ càn quét làng Phù Thụy và làng Quyển Sơn. Trận càn đó, chúng đốt đình và chùa Trung cháy tàn lụi, chỉ còn trở lại hai cột đồng trụ. Từ đây bắt đầu nảy sinh tên gọi "đình Cháy", "chùa Cháy". Chúng tôi ghi lại điều tồn nghi để đọc giả rộng đường tham khảo.

áy giống như một cái vành đai xiết chặt vùng tề, đồng thời ngăn chặn ảnh hưởng từ vùng hữu ngạn đê Đáy sang. Trong khi đó, thì hầu hết các làng xã phía đê hữu sông Đáy như Quyển Sơn, Thanh Nộn, Phú Viên, Do Lễ, Ba Sao... lại nằm trong vùng tự do, dưới sự kiểm soát của bộ đội Lạc Thủy và du kích<sup>(29)</sup>. Để hỗ trợ cho dân chúng vùng tề nổi dậy phá bỏ ách kìm kẹp của giặc Pháp, Đảng bộ huyện Kim Bảng một mặt cử cán bộ dân vận bí mật luôn sâu vào các làng xã phía tả ngạn sông Đáy xây dựng phong trào cách mạng, diệt tề trừ gian; mặt khác, chỉ đạo bộ đội địa phương và du kích các làng xã phía hữu ngạn sông Đáy, trong đó có làng Quyển, tăng cường hoạt động, bắn tỉa không kể ngày đêm, khiến bọn Pháp rất lúng túng, lo sợ. Hầu hết các toán quân Pháp và quân nguy đi Pa tui<sup>(30)</sup> từ bốt Phù Vân đến bốt Quế, dọc theo đê tả Đáy, theo quốc lộ 22, đều bị du kích nằm phục bên đường quốc lộ 21 bắn tỉa, thiệt hại không nhỏ. Đáng lưu ý là du kích thường thường ẩn nấp trong đình Trung, chùa Trung (làng Quyển), chùa Thanh Nộn theo dõi động tĩnh của giặc bên bốt Quế, bên đường quốc lộ 22, nếu thấy tên Pháp nào đi lại ngهنh ngang, hớ hênh thì lập tức "tác bụp" ngay. Thực tế đó khiến cho bọn chỉ huy Pháp ở thị xã Phủ Lý, thành phố Nam Định, thành

---

<sup>(29)</sup> Năm 1948 - 1952, huyện Lạc Thủy vẫn còn là một huyện thuộc tỉnh Hà Nam. chứ chưa thuộc tỉnh Hoà Bình như ngày nay. Bộ đội Lạc Thủy là bộ đội địa phương của liên khu Ba. Huyện Kim Bảng là một địa bàn mà bộ đội Lạc Thủy hoạt động mạnh khi đó.

<sup>(30)</sup> Pa tui: đi tuần

phố Hà Nội rất tức tối, cay cú. Chúng bày mưu, tính kế, tìm cách đánh phá ra vùng tự do của ta.

Ngày 14 tháng 12 năm 1950 (hay 1948?), một cánh quân Pháp khá đông, tới hàng nghìn tên, xuất phát từ Kiện Khê<sup>(31)</sup>, đi tắt qua làng Lạt Sơn, rồi làng Bút Sơn (Khi đó thuộc tổng Quyển Sơn), bất ngờ càn quét, đánh phá dữ dội vào làng Phù Thủy và làng Quyển. Trận càn này, chúng chủ trương "tam quang", "tam sạch", nghĩa là thực hiện khẩu hiệu "đốt sạch", "phá sạch" rất dã man. Dù bị bộ đội địa phương, du kích chặn đánh quyết liệt, nhưng cậy thế quân đông, vũ khí hiện đại, nên quân Pháp vẫn đốt hàng chục nhà dân, làng Phù Thủy, phun phốt pho thiêu đình Trung, chùa Trung làng Quyển Sơn - nơi mà chúng vẫn nghi ngờ có du kích ẩn nấp để bắn tĩa lính đi tuần. Thật đáng tiếc, ngôi đình và ngôi chùa to lớn, đồ sộ, kiến trúc cầu kỳ bậc nhất của huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam thời ấy, đã bị lửa thiêu đốt thành tro bụi, chỉ còn sót hai cột đồng trụ và vài chục hòn đá tảng. Đình Trung, chùa Trung cháy suốt một tuần lễ chưa tàn, khiến dân làng vô cùng đau xót. Nỗi đau kéo dài đến tận bây giờ chưa nguôi. Đình là nơi thờ Thành hoàng - ông vua tinh thần của cộng đồng, là địa điểm chính để dân làng tổ chức lễ hội Hát Dặm hàng năm; chùa là nơi thờ Phật, nơi tổ chức hội hè, đình đám. Giặc Pháp đốt đình, đốt chùa là xúc phạm đến lòng tự trọng, tự tôn, đến tình cảm thiêng liêng của cả dân làng. Nỗi đau xót và lòng căm giận vì

---

<sup>(31)</sup> Kiện Khê: địa danh vùng núi đá thuộc huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, chuyên nghề khai thác đá xây dựng và cả đá nghệ thuật (tạc tượng), từng đi vào ca dao dân ca.

thế được nhân lên gấp bội phần. Cái tên "đình Cháy", "chùa Cháy" hình thành từ đấy, tồn tại đến tận bây giờ. Bởi đình Trung bị thiêu cháy đã trên nửa thế kỷ, cho nên người ta không còn nhớ được chi tiết nội thất của nó ra sao, chỉ nhớ ang áng là nó được làm bằng gỗ lim, chạm khắc cầu kỳ hình tứ linh, tứ quý. Sách *Dân ca Hát Dậm Hà Nam* của tác giả Trọng Văn cho biết, cho đến năm 1975, duy nhất còn một cụ già nhớ được một vế câu đối từng được treo ở cột cái trung tâm ngôi đình là "Bình Tống, phạt Chiêm, hùng lược huân danh thủy quốc sử". Hiện tại, người dân làng Quyển vẫn ao ước bằng cách nào đấy, có thể khôi phục lại gần nguyên dạng ngôi đình làng, để tiếp tục được mở hội Hát Dậm như tục xưa nếp cũ. Ước mơ ấy kể cũng chính đáng, cần được chia sẻ.

Kể từ khi giặc Pháp đốt đình, đốt chùa, dân làng Quyển Sơn đành phải tổ chức hội lễ tại Đền Trúc và chùa Giở, chứ không có điều kiện tổ chức lễ hội tại Đền Trúc và đình Trung, như trước nữa. Quy mô lễ hội bị thu hẹp lại, song có lẽ chưa đến mức bị đứt đoạn thời gian dài bao giờ.

Nhận thấy Đền Trúc làng Quyển, xã Thi Sơn có giá trị lịch sử - văn hóa, giá trị nghệ thuật, cần được lưu giữ, tôn tạo lâu dài, năm 1994, Bộ Văn hoá - Thông tin nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã cấp bằng công bằng công nhận đây là di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia. Sự kiện quan trọng ấy đã đem lại cho người dân Quyển niềm vui, niềm tự hào to lớn. Nó góp phần nhân lên những giá trị truyền thống tốt đẹp của nhân dân sở tại.

**10.** Không chỉ là vùng quê sản sinh ra nhiều truyền thuyết, giai thoại, huyền tích dân gian mà làng Quyển



còn là quê hương của nhiều tác phẩm ca dao, dân ca, phương ngôn. Một phần trong đó đã được các nhà nghiên cứu văn hóa dân gian Hà Nam sưu tầm, biên soạn trong cuốn *Văn nghệ dân gian Hà Nam*<sup>(32)</sup>. Chính các câu ca dao, phương ngôn đó đã cùng với các truyền thuyết, huyền tích dân gian góp phần "thiên hoá" núi Cấm, Đền Trúc, đình Trung, chùa Trung làng Quyển, tạo cho không gian vùng đất cổ bán sơn địa có chiều sâu văn hóa - tâm linh. Ca dao về làng Quyển có nhiều, nhưng câu ca dao có khả năng thu tóm được cảnh và tình của vùng quê này nhất, đó là câu ca dao mà không mấy người dân nơi đây không thuộc:

"Quyển Sơn vui thú nhất đời  
 Dốc lòng trên Dạm dưới bơi ta về  
 Đồi bên núi tựa sông kê  
 Ngược xuôi tiện nẻo lăm nghề làm ăn..."

Câu ca dao ngắn gọn, cơ bản đã lột tả được chân dung cảnh quan làng Quyển Sơn.

\* \* \*

\*

Tổng quan lại, có thể khẳng định rằng, chính những điều kiện cảnh quan - lịch sử - văn hóa làng Quyển nói riêng, của huyện Kim Bảng nói chung đã gợi mở để người ta nghĩ rằng, đây là vùng quê "địa linh nhân kiệt", cái nôi hình thành, nuôi dưỡng nhiều loại hình, loại thể văn nghệ dân gian, trong đó có Hát Dạm Quyển Sơn. Đến đây, một câu hỏi đặt ra, vì sao nhiều làng quê khác của huyện Kim Bảng, có điều kiện cảnh quan - lịch sử -

<sup>(32)</sup> Sách đã dẫn - xem chú thích "8".

## KHẢO CỨU VỀ LỄ HỘI HÁT DẠM QUYỂN SƠN

---

văn hóa gần giống với cảnh quan - lịch sử - văn hóa làng Quyển Sơn mà không có lễ hội Hát Dặm giống như ở làng quê này? Trả lời câu hỏi trên quả không dễ. Theo suy nghĩ của chúng tôi, cảnh quan - lịch sử - văn hóa làng Quyển vừa có cái chung, lại vừa có cái riêng so với cảnh quan - lịch sử - văn hóa nhiều làng quê khác của huyện Kim Bảng tỉnh Hà Nam. Cái chung biểu hiện ở chỗ làng Quyển cũng có cảnh quan bán sơn địa, sơn thủy hữu tình giống như cảnh quan làng Do Lễ (xã Liên Sơn), làng Khả Phong (xã Khả Phong), làng Thụy Sơn (xã Tân Sơn), làng Quang Thừa (xã Tượng Lĩnh). Còn cái riêng biểu hiện ở chỗ, làng Quyển, chỉ làng Quyển thôi, mới có núi Cấm, vườn trúc, khúc ngoặt sông Đáy hợp thành điều kiện thuận lợi về quốc phòng để dẫn đến sự kiện nhân vật lịch sử Lý Thường Kiệt chỉ huy đại quân nhà Lý, hành binh bằng đường thủy, theo sông Đáy, rồi cho quân nghỉ ngơi một đêm trong rừng trúc dưới chân Cấm Sơn, để ngài mơ gặp hai mẹ con vị nữ thần địa phương, được họ "âm phù" chiến thắng quân Chiêm, để rồi sau đó vị tướng cho mở hội mừng công ở đây, khởi đầu cho một tập tục. Thành ngữ Việt Nam có câu "chuông làng nào làng ấy đánh, thánh làng nào làng ấy thờ" là như vậy. Dọc theo hai bờ sông Đáy, đoạn từ chùa Bà Đanh đến Kẽm Trống, có nhiều làng xã thờ Lý Thường Kiệt. Nhưng chỉ ở làng Quyển thôi, người dân mới thờ vị danh tướng thời Lý gắn liền với lễ hội Hát Dặm. Không một làng quê nào khác ở Hà Nam, ở Việt Nam có phong tục ấy. Cho nên, cần phải hiểu rằng, những điều kiện cảnh quan - lịch sử - văn hóa làng Quyển trong bối cảnh lịch sử - văn hóa huyện Kim

Bảng, tỉnh Hà Nam đã sản sinh ra Hát Dặm với tính cách một lễ hội cổ truyền và đến lượt nó, Hát Dặm lại bồi đắp cho cảnh quan - lịch sử - văn hóa huyện Kim Bảng, làng Quyển thêm lung linh, huyền ảo hơn. Không thể hiểu đúng đắn về lễ hội Hát Dặm nếu tách nó ra khỏi cảnh quan - lịch sử - văn hóa làng Quyển sơn và ngược lại, không thể hiểu đúng cảnh quan - lịch sử - văn hóa làng Quyển nếu tách nó ra khỏi lễ hội Hát Dặm.

Cũng xuất phát từ cái nhìn địa - lịch sử, địa - văn hóa, như đã nêu ở chương hai, trong chương ba tiếp theo, chúng tôi sẽ lần lượt khảo tả, so sánh, đánh giá nhằm trả lời hệ thống câu hỏi: Hát Dặm Quyển Sơn là gì? Nguồn gốc của nó ra sao? Quy trình lễ hội và đặc điểm diễn xướng của Hát Dặm thế nào? Ngoài hoạt động tế lễ, múa hát Dặm, khi tiến hành lễ hội, người dân còn thực hiện những trò diễn gì và ý nghĩa của nó? Gọi là "lễ hội" thì có phải người ta tế lễ Thành hoàng, tế thần phật, đất trời trước, rồi mới đến các trò vui chơi (hội) không? Hay là chúng đan xen vào nhau để cùng hướng tới một chủ đề lớn hơn? Lại nữa, giữa lễ hội Hát Dặm với các lễ hội cổ truyền khác ở Bắc bộ và rộng hơn, ở Đông Nam Á, có gì tương đồng và khác biệt? Rồi giá trị lịch sử - văn hóa - nhân văn bao trùm lên Hát Dặm là gì? Nó có còn cần thiết cho đời sống văn hóa - tinh thần thời đương đại không? Chúng ta nên vận dụng Hát Dặm thế nào để góp phần xây dựng đời sống văn hóa - tinh thần của người dân thời kỳ kinh tế thị trường hiện tại? Trả lời được hệ thống câu hỏi trên, một cách khoa học, đúng đắn, thực chất là đã làm nổi bật được đặc điểm nội dung, nghệ thuật của Hát Dặm Quyển Sơn vậy.

## CHƯƠNG BA

# QUY TRÌNH LỄ HỘI - ĐẶC ĐIỂM DIỄN XƯỞNG

### A. Hát Dậm Quyển Sơn là gì?

Hát Dậm Quyển Sơn là gì? Đó là một câu hỏi mà bất cứ ai làm công việc nghiên cứu văn hóa dân gian cũng phải đặt ra và trả lời khi đi sâu khảo sát quy trình lễ hội, đặc điểm diễn xướng của nó. Một câu hỏi tưởng chừng như đơn giản song không dễ trả lời. Về tên gọi "Hát Dậm Quyển Sơn", lâu nay đã và đang diễn ra một số cách hiểu khác nhau, rất cần phân định rõ rệt, chu diên, để tiến tới một cách hiểu thống nhất, đúng đắn về đối tượng.

Hiện tại, có nhiều người cho rằng, Hát Dậm là hát múa thờ thần có dậm chân làm nhịp. Cách hiểu này thô thiển, không chính xác, vì khá nhiều, khoảng một nửa trong tổng số các làn điệu của Hát Dậm Quyển Sơn chỉ có lời hát kết hợp với múa tay mà không sử dụng thao tác dậm chân. Có người dựa vào lời ca trong Hát Dậm "Chúng ta đi Dậm hôm nay; Dậm thời tiệc này làng nước sống lâu", để cho rằng "Hát Dậm là hát múa để kỷ niệm sự tích của thần hoàng, cầu chúc cho nhân dân được sống lâu, mạnh khỏe, trông trọng và chăn nuôi tốt"<sup>(33)</sup>. Cách hiểu thứ hai đã tiếp cận gần đối tượng, song vẫn còn quá rộng và mơ hồ. Trên đất nước Việt Nam hiện giờ có khá nhiều dân ca sử dụng thao tác múa, hát thờ thần, thờ Thành hoàng, qua đó cầu chúc cho quốc thái dân

---

<sup>(33)</sup> Xin xem *Dân ca Hát Dậm Hà Nam* - Trọng Văn, Sở Văn hoá Thông tin Hà Nam xuất bản năm 1998.

## KHẢO CỨU VỀ LỄ HỘI HÁT DẠM QUYỂN SƠN

---

an, nhân kang vật thịnh, như Hát Xoan Phú Thọ, hát Vè Tàu - Tượng, Hát Dô Hà Tây, hát Lải Lèn Hà Nam, hát Châu Văn Nam Định, hát Ải Lao Thanh Hoá..., đâu chỉ có Hát Dặm mới có thao tác ấy? Rõ ràng, cách hiểu như trên quá chung chung, quá rộng, không phân định được ranh giới giữa Hát Dặm Quyển Sơn với các lễ hội và các dân ca nghi lễ khác ở tỉnh Hà Nam, cũng như ở đồng bằng Bắc bộ.

Theo suy nghĩ riêng của chúng tôi, Hát Dặm không chỉ đơn thuần là dân ca nghi lễ, cho nên nó cần được hiểu theo cả nghĩa rộng lẫn nghĩa hẹp của từ này. Hiểu theo nghĩa hẹp, Hát Dặm Quyển Sơn là hát múa nơi cửa đình, cửa đền vào dịp đầu xuân hàng năm để ca tụng công đức của vị Thành hoàng<sup>(34)</sup>. Còn hiểu theo nghĩa rộng, Hát Dặm Quyển Sơn là lễ hội lịch sử - nông nghiệp - phong tục, diễn ra vào dịp đầu xuân hàng năm, ở đình Trung và Đền Trúc làng Quyển, nhằm tái hiện những sự kiện lịch sử hào hùng cùng võ công hiển hách bình Tống phạt Chiêm của vị Thành hoàng vốn là nhân vật lịch sử thời Lý. Cách hiểu đối tượng theo cả nghĩa hẹp lẫn nghĩa rộng như vậy, có thể chưa tuyệt đối đúng (vả lại, làm gì có khái niệm đạt đến mức độ "tuyệt đối đúng"?), song cơ bản đã vươn tới yêu cầu gọi sự vật bằng chính tên gọi của nó.

Về cách phát âm tên gọi của đối tượng, chúng tôi thấy cần làm rõ hơn. Cùng một đối tượng, nhưng có khi người dân làng Quyển gọi là "Hát Dặm", lại có lúc gọi là "Hát Dặm". Ý kiến của tác giả Trọng Văn là đúng khi

---

<sup>(34)</sup> Dân chủ làng mạc, chứ không phải dân chủ tư sản.

ông, qua *Dân ca Hát Dặm Hà Nam* cho rằng, người dân quê ông, dù phát âm là "Hát Dặm" hay "Hát Dặm" cũng đều có chung một nghĩa, tựa như là "dậy học" với "dậy học". Theo đó, khi người dân làng Quyển nói "đi Dặm", "xem Dặm" thì đều có ý nghĩa trở cả quá trình cộng đồng làng chạ đến với lễ hội Hát Dặm trên tinh thần hoà nhập, không có sự cách biệt nào giữa các thành viên.

Cố nhiên, chúng tôi thấy chỉ triết tự tên gọi của đối tượng theo lối duy danh định nghĩa thôi, chưa đủ, mà cần tiến tới phân biệt giữa "Hát Dặm Quyển Sơn" với "Hát Giặm Nghệ Tĩnh", từ góc độ đặc trưng thể loại. Hát Dặm Quyển Sơn, như đã nêu trên, là lễ hội lịch sử - phong tục và cũng là dân ca nghi lễ thờ Thành hoàng, thờ Thánh. Còn Hát Giặm Nghệ Tĩnh, lại thuần túy chỉ là dân ca giao duyên nam nữ. Hát Giặm Nghệ Tĩnh, có nghĩa là "thêm vào", "chen vào", "điệp lại" một lời ca, một giai điệu nào đó. Trái lại, Hát Dặm Quyển Sơn không hề có thi pháp đó. Giữa chúng có sự khác biệt to lớn đến mức khó tìm ra được đôi nét tương đồng. Tất cả những ai có dịp khảo sát Hát Dặm Quyển Sơn và Hát Giặm Nghệ Tĩnh, đều có thể nhận thấy sự khác biệt ấy. Và có sự khác biệt ấy là do hiện tượng đồng âm khác nghĩa của tiếng Việt tạo ra. Hy vọng rằng, với sự xuất hiện của công trình nghiên cứu do chúng tôi chấp bút, độc giả trong và ngoài tỉnh Hà Nam sẽ tránh được tình trạng hiểu mơ hồ về đối tượng. Bởi một lẽ đơn giản rằng, chỉ có gọi sự vật bằng đúng tên gọi của nó thì mới mong sẽ khám phá được những đặc trưng cơ bản của đối tượng, như nó vốn có.

**B. Sơ lược nguồn gốc**

Để tìm hiểu nguồn gốc nảy sinh Hát Dậm Quyển Sơn, người viết công trình nghiên cứu văn hóa dân gian có thể dựa vào mấy nguồn tư liệu sau:

- Các truyền thuyết, huyền tích dân gian về núi Cấm, về Đền Trúc và về Hát Dậm.

- Thần tích, thần phả Đền Trúc, hồ sơ di tích.

- Các tư liệu gián tiếp về lịch sử có tác dụng soi sáng nguồn gốc Hát Dậm như *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Đại Nam nhất thống chí*, *Việt sử lược*, *Lịch triều hiến chương loại chí*, *Việt sử thông giám cương mục*, *Đại Nam thực lục*, *Thanh Hoá tỉnh chí*, *Hưng Yên tỉnh thống nhất chí*.

Ba nguồn tài liệu trên sẽ bổ sung cho nhau, giúp người chấp bút suy luận, trình bày một cách tương đối rõ nét, có hệ thống lô gíc về nguồn gốc của Hát Dậm, như nó đã có, đang có trong tâm thức dân gian.

**I. Chùm truyền thuyết, huyền tích dân gian về núi Cấm - Đền Trúc và Hát Dậm Quyển Sơn**

Người già nhiều thế hệ làng Quyển truyền lại rằng, vào năm 1069, giữa thế kỷ XI, dưới triều Lý, quân Chiêm Thành theo đường biển vào cướp phá vùng biên ải châu Hoan, châu Ái của Đại Việt ta. Quan quân trấn thủ hai châu sở tại dù hết sức cố gắng, cũng không đủ sức chống lại, khiến dân chúng rơi vào tình cảnh loạn lạc, chết chóc, ly tán, hết sức điêu đứng. Tin dữ bay nhanh về kinh đô Thăng Long, khiến cho bậc quân vương cùng các đại thần bồn chồn, lo lắng, đứng ngồi không yên. Vua sai sứ giả triệu Lý Thường Kiệt, lúc bấy giờ đang thống lĩnh quân đội, vào cung mà bảo rằng:

- Quân Chiêm vô đạo lại đến, quấy phá vùng biên ải châu Hoan, châu Ái của ta. Quả nhân thấy trong lòng

như có lửa đốt. Vậy tướng quân hãy chỉ huy ba quân đi đánh dẹp bọn giặc cỏ, để dân chúng trăm họ được an cư lạc nghiệp, cởi bỏ nỗi lo cho quả nhân và cho xã tắc.

Phụng mệnh vua, Lý Thái úy lập tức cất quân đi thảo phạt giặc Chiêm Thành. Đại quân đi bằng đường thủy, theo sông Đáy ra cửa biển Thân Phù - nơi giáp ranh giữa tỉnh Nam Định và tỉnh Ninh Bình bây giờ rồi theo ven biển vào châu Hoan, châu Ái. Khi đoàn chiến thuyền đi tới khúc ngoặt của trại Canh Dịch, dưới chân một ngọn núi, lúc đó chưa có tên gọi, sau này gọi là núi Cấm, hoặc Thi Sơn, thì bất ngờ một trận cuồng phong nổi lên, gió ào ào thổi ngược chiều, làm sóng bạc đầu nổi lên cuộn cuộn, trời đất tối sầm trong giây lát. Các thủy thủ cố sức chèo lái mà đoàn chiến thuyền cứ ì ra, không sao nhúc nhích lên được. Trận gió lớn ấy đã bẻ gãy chiếc cột buồm chiến thuyền chỉ huy của Lý Thường Kiệt, cuốn lá cơ "Sứ" của ông đưa lên lưng chừng núi. Thấy điềm lạ, Lý tướng quân bèn hạ lệnh cho quân lính ghé binh thuyền vào chân núi, phía bờ hữu sông Đáy, rồi cùng mấy tá hữu thân cận lên bờ xem xét tình hình. Trước mắt ngài chỉ có núi cao, cây cối um tùm và rừng trúc xanh rợp, bốn bề yên tĩnh đến kỳ lạ. Ngài sai quân hạ trại, sửa sang lễ vật, tự mình viết và đọc bài văn tế lễ trời đất, quỷ thần, xin phù trợ cho quân ta mau thắng trận, bảo toàn được bờ cõi Đại Việt. Đêm ấy, ngài cùng quân sĩ ngủ lại trong doanh trại tại rừng trúc, dưới chân hòn núi kia. Phần vì suy tính việc quân, phần vì tìm phương sách dân hoà mâu thuẫn giữa các bè phái trong triều đình, Lý Thường Kiệt trầm trọc, thao thức rất lâu. Mãi đến canh ba, ngài mới chợp mắt, thiếp đi. Trong trạng thái mơ màng, nửa thức nửa ngủ, ngài thấy có hai mẹ con người đàn bà, mặt hoa da phấn, yếu điệu, thướt tha, đến ra mắt, tự xưng là thần linh trú ngụ ở đây đã lâu, rồi thưa rằng: "Tướng



quân đi đánh trận phen này, nếu gặp khó khăn gì, mẹ con tôi sẽ âm phù để giết giặc, sau được phú quý, xin cho chúng tôi cùng hưởng chung với!". Người đàn bà còn căn dặn Lý tướng quân, khi lâm trận, hễ cứ thấy bên phía quân Chiêm, chỗ nào có sắc đỏ chiếu, là hô quân đánh mạnh vào chỗ đó, bọn chúng tất sẽ tan vỡ. Vị chủ soái đang định hỏi xem danh tính, quê quán hai mẹ con người đàn bà kia, thì họ đã nhao mình, biến thành đạo hào quang, bay đi mất. Lý Thường Kiệt giạt mình, sức tỉnh thì không thấy gì, nhưng tiếng nói và mùi hương hoa đường như vẫn còn thoang thoảng, văng vẳng đâu đây.

Quả nhiên, buổi hành quân đường thủy hôm sau của quân đội nhà Lý rất thuận buồm xuôi gió, chỉ trong thời gian ngắn đã tới bờ biển châu Hoan, châu Ái. Không bỏ phí thời gian, ngay sau khi đoàn chiến thuyền cập bãi cát, Lý Thường Kiệt đã hạ lệnh cho toàn quân đồng loạt tiến công quân giặc. Các cánh quân nhà Lý, theo lời dặn của chủ tướng, cứ thấy chỗ nào phía quân Chiêm có rặng đỏ chiếu là xông tới chém giết lia lịa. Quân giặc kinh hoàng, nhón nháo, vỡ trận, bỏ chạy tán loạn. Cuộc chiến ấy, quân nhà Lý đại thắng, giặc Chiêm hung bạo buộc phải bỏ giáo, cởi giáp quy hàng, kể có tới vài nghìn tên, trong đó có cả tướng giặc.

Trên đường hồi quân về Thăng Long, cũng bằng đường thủy, theo đường biển và theo sông Đáy, Lý Thái úy một mặt sai tiền trạm phi báo tin chiến thắng về cho vua Lý và triều đình; mặt khác, ngài cho dừng đoàn chiến thuyền ở dưới chân ngọn núi mà gió lớn đã từng đưa lá cờ "Suý" của mình lên đó, cùng tả hữu thân cận lên rừng trúc xem xét, cho quân dựng doanh trại ngay ở đấy. Rồi ngài sai quân mổ trâu bò, lợn gà, sửa lễ cực lớn tạ ơn trời đất, quý thần, nhất là tạ ơn hai mẹ con vị nữ thần từng giúp quân đội nhà Lý thắng trận, kết hợp khao thưởng tướng

sĩ. Dân chúng trại Canh Dịch cũng được Lý Thường Kiệt sai người mời đến cùng chung vui. Lễ mừng công kéo dài hàng tháng trời. Trong đám lễ hội, các bô lão Canh Dịch đã chọn cử vài chục chàng trai, cô gái son trẻ, thanh tân; trai thì đánh vật, bơi chải dưới sông Đáy, gái thì hát múa một số làn điệu dân ca địa phương, nghe tình tứ, êm ái. Một số người khác thì chơi cờ người, chọi gà, đấu vật, thổi cơm thi. Tất cả đều nhộn nhịp, sôi động, náo nhiệt, nhằm ca ngợi võ công oanh liệt của quân dân Đại Việt, ca ngợi quê hương thanh bình và ước mơ cuộc sống no đủ.

Vào lúc thông thả, Lý Thường Kiệt cùng bộ tướng dạo chơi trong rừng trúc, bất ngờ gặp một ngôi đền nhỏ, cổ kính rêu phong, ngoảnh nhìn về hướng Bắc. Quan sát bên trong ngôi đền, ngài thấy có bài vị ghi danh "Hoàng Thái Hậu" và "Hoàng Công Chúa", không biết cội rễ từ thời nào. Nghĩ rằng, đây chính là những thần linh đã từng trợ giúp mình thắng trận tại Hoan - Ái, vị chủ soái liền cho quân sửa sang lại ngôi đền. Ngài cũng cho cấp dưới lập trang trại dưới chân núi làm nơi nghỉ ngơi lúc tuổi già.

Cũng vào những ngày thư nhàn, Lý tướng quân cùng tả hữu còn chia nhau vào các nhà dân trại Canh Dịch thăm hỏi, bày cho họ cách chăm sóc lúa ngô, tầm tang canh củi. Nghề trồng dâu chăn tằm của trại Canh Dịch bắt đầu có từ đó. Để ghi nhớ sự kiện gió lớn cuốn cờ "Suý" lên lưng chừng núi, dân chúng sở tại gọi tên quả núi đầu trại là "Cuốn Sơn", đổi tên trại Canh Dịch thành làng "Cuốn Sơn", có ý gợi nhớ sự tích cũ. Dân ca làng Quyển có câu "Núi Cuốn Sơn có cây thi thảo; Huyệť Đế Vương thiên tạo rờ ràng" là do xuất phát từ sự tích trên.

Về sau, khi Lý Thường Kiệt trăm tuổi, dân làng Cuốn Sơn thương tiếc và nhớ ơn, bèn bảo nhau đóng góp tiền của, dựng một ngôi đền lớn, kiến trúc cầu kỳ, ngay trên nền ngôi đền cũ vốn thờ hai mẹ con vị nữ thần, nơi mà

## KHẢO CỨU VỀ LỄ HỘI HÁT DẠM QUYỂN SƠN

---

trước đây quân đội nhà Lý từng lập doanh trại, gọi nôm na là Đền Trúc<sup>(35)</sup>. Đền ngoảnh hướng Bắc, có dòng Đáy giang chảy qua. Trong nội tự, ngoài bài vị Lý Thường Kiệt dưới dạng mỹ tự, được đặt ở gian trung tâm và hậu cung, với duệ hiệu "Thái Sơn Phủ Quân, Cao Thiện Đại Vương", dân chúng còn lập bài vị của song thân vị tướng và bài vị hai mẹ con vị nữ thần với duệ hiệu "Hoàng Thái Hậu", "Hoàng Công Chúa" ở hai gian tả hữu. Bên cạnh Đền Trúc, dân làng Cuốn Sơn còn lập một ngôi đình đồ sộ giữa làng, để thờ Lý Thường Kiệt làm Thành hoàng, gọi là đình Trung (khoảng thế kỷ XV). Gần đây ngôi đình này bị giặc Pháp thiêu huỷ, nên có thêm tên là "đình Cháy". Cách Đền Trúc gần một cây số, hướng Tây Bắc Đông Nam, dân chúng dựng một cái nghè, gọi là "đình Trần", dùng để tế cáo mỗi khi người ta rước kiệu từ Đền Trúc về đình Trung (đình Cháy) vào dịp hội làng. Hàng năm, dân Cuốn Sơn mở hội kỷ niệm công đức Lý Thái úy trong hai ngày chính là mồng 5 tháng hai âm và mồng 2 tháng năm âm, đặt tên là ngày "đại kỳ Phúc". Người già làng Quyển cho biết, đó chính là hai ngày đại thắng của quân đội nhà Lý do Lý Thường Kiệt chỉ huy, với quân Chiêm Thành. Sau, không hiểu vì lý do gì, dân làng Cuốn Sơn chỉ mở hội kỷ niệm người anh hùng trong dịp đầu xuân hàng năm thôi. Vào những ngày hội lễ đó, dân chúng tổ chức tế lễ, múa hát Dặm, bơi chải, đấu vật, đấu cờ tướng, chơi gà, múa lân, tổ tôm điểm rất trang trọng, thành kính, náo nhiệt và sôi động. Tục Hát Dặm hình thành như thế và tồn tại đã xấp xỉ một nghìn năm cùng với làng Cuốn Sơn. Mãi đến những năm cuối thế kỷ XIX, một vị chức dịch của làng tên gọi Bá Quý mới đổi tên "Cuốn Sơn" thành tên "Quyển Sơn", bởi theo âm Hán

---

<sup>(35)</sup> Đền Trúc: đền thờ dựng trong rừng trúc.

Việt, thì "cuốn" đồng nghĩa với "quyển". Trải hàng ngàn năm lịch sử với nhiều thăng trầm, đắp đổi, bãi bể thành nương dâu (tang hải vi thương điền), song lễ hội Hát Dặm vẫn được dân làng Quyển Sơn duy trì đều đặn vào mỗi dịp đầu xuân hàng năm.

Để giải thích địa danh vì sao có tên gọi "núi Cấm" và tên gọi "Thị Sơn", các nghệ nhân dân gian làng Quyển thời xưa đã sáng tạo ra hai truyền thuyết, đó là *Sự tích tên gọi núi Cấm* và *Sự tích tên gọi Thị Sơn*<sup>(36)</sup>. Truyền kể, vào khoảng giữa thế kỷ XI, dưới triều Lý Thánh Tông và triều Lý Nhân Tông, do tình thế nước ta bị sức ép thôn tính từ hai phía Bắc và Nam, phía Bắc với quân Tống, phía Nam với quân Chiêm Thành, cho nên Lý Thường Kiệt xin vua cho lập một số đồn trại quân đội dọc theo hai bờ sông Đáy, trong đó có đồn trại quân đội ở rừng trúc dưới chân quả núi đầu làng Canh Dịch. Quân lính ở những đồn trại này vừa trồng cấy lúa màu, vừa luyện tập kỹ chiến thuật sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ đất nước. Ngoài ra, các đồn trại còn là nơi cất giấu, tàng trữ lương thực, vũ khí, phục vụ cho những chiến dịch tiêu trừ các thế lực phản loạn ở các đạo Lâm Tây, châu Hoan, châu Ái, lộ Trường yên<sup>(37)</sup>, tạm gọi là cơ sở hậu cần quân đội.

<sup>(36)</sup> Chùm truyền thuyết về núi Cấm - Đền Trúc và Hát Dặm có tới hơn hai chục truyền khác nhau, đã được in trong công trình *Truyện dân gian Kim Bảng* (tập I), sách đã dẫn ở chú thích 21. Chúng tôi chỉ nêu những truyền thuyết có liên quan trực tiếp đến nguồn gốc Hát Dặm thời.

<sup>(37)</sup> Theo *Đại Việt sử ký toàn thư* (Nxb Khoa học xã hội Hà Nội 1998), theo các bộ lịch sử của Trường Đại học Tổng Hợp Hà Nội và Trường Đại học sư phạm I Hà Nội (Nxb Giáo dục Hà Nội 2003), thì vào thế kỷ XI, dưới triều Lý, có tới hàng chục cuộc nổi loạn của các phiên trấn nổ ra, chống lại triều đình Trung ương. Tiêu biểu là các cuộc nổi loạn của Cử Long (châu Ái); Hà Ân Tuấn (châu Vị Long); Nùng Tôn Phúc, Nùng Trí Cao (châu Quảng Nguyên), Mạc Hiền (châu Quảng Nguyên)vv...

Tại đồn trại Canh Dịch, một hôm, quân lính của Lý Thường Kiệt bỗng nhiên đồng loạt mắc bệnh hiểm nghèo, không thuốc thang nào chữa được. Vị chủ tướng hết sức lo lắng. Cứ tình hình này, có lẽ ngài phải tính đến chuyện rời bỏ trại Canh Dịch mà tìm nơi đóng quân khác. Nhưng tìm đâu ra nơi trú quân kín đáo, tiện đường giao thông thủy bộ như trại Canh Dịch bây giờ? Thật là nan giải. Đang lúc bế tắc, bỗng có người dân sở tại đến ra mắt, bẩm báo với Lý Thường Kiệt rằng, trên đỉnh núi sau lưng doanh trại có một loại thảo mộc mà dân gian vẫn quen gọi là "cỏ Thi", có thể chữa được nhiều bệnh hiểm nghèo. Vừa nghe xong, Lý Thường Kiệt lập tức yêu cầu người dân đó đưa đường dẫn ông cùng viên quân y trèo lên đỉnh núi tìm hái. Họ đã gặp, hái và đem về một số nhánh Cỏ Thi, chế thành thuốc cho quân sĩ đang ốm uống. Quả nhiên, sau khi uống nước Cỏ Thi, quân sĩ đang ốm đều khỏi bệnh cả, tựa như có phép thần. Hiểu rằng đây là thứ dược liệu quý hiếm, một thứ dược tiên, phải lưu giữ và bảo vệ lâu dài, Lý Thường Kiệt bèn hạ lệnh cấm dân chúng quanh và trong vùng đến quả núi đầu trại Canh Dịch chặt phá cây cối, săn bắt chim muông. Tên gọi "núi Cấm" ra đời từ đó. Lại có truyền thuyết kể rằng, để đảm bảo bí mật cho quân doanh trong rừng trúc, dưới chân núi, giữ được yếu tố bất ngờ cho hoạt động quốc phòng, Lý Thường Kiệt hạ lệnh cấm dân chúng trong vùng đến đây chặt phá cây cối, săn bắn chim thú, hoặc khai thác đá xây nhà. Tên gọi "núi Cấm" nảy sinh từ đó và truyền mãi đến ngày nay.

Còn vì sao có tên gọi "Thi Sơn"? Một truyền thuyết làng Quyển khác nữa, kể rằng, ngay từ thuở xa xưa, hòn núi đầu trại Canh Dịch đã phủ đầy cây cối, quanh năm xanh tốt, sớm chiều rộn tiếng chim ca. Trên đỉnh núi, gần huyệt "Đế Vương" và "Bà cờ Tiên" có một giếng